

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/LĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v T/c tiền lương,
bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ M, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Đinh Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 18/2020/TLST-LĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-LĐ ngày 17/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST – LĐ ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 491/5 khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ: Khu công nghiệp X B1 Conac, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông R – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 200, Đ, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H – Chức vụ: Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Bình T trình bày:

- Ông Nguyễn Bình T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q (gọi tắt là Công ty Q) vào năm 2014, ký kết hợp đồng có xác định thời hạn là 01 năm từ ngày 16/8/2014 đến ngày 15/8/2015, đến năm 2015 tiếp tục ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm từ ngày 16/8/2015 đến ngày 15/8/2016, có phục lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Trưởng phòng thu mua với mức lương cơ bản là 35.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo. Tháng 8/2016 ông chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Q nhưng Công ty chưa thanh toán đầy đủ các khoản tiền lương cho ông.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 50% lương tháng 6/2016 là 15.864.395 đồng, 100% lương tháng 7/2016 là 30.236.200 đồng; 100% lương tháng 8/2016 là 40.428.400 đồng.

Nay ông T yêu cầu công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán 50% lương tháng 6/2016 là 15.864.395 đồng, 100% lương tháng 7/2016 là 30.236.200 đồng; 100% lương tháng 8/2016 là 40.428.400 đồng. Tổng cộng 86.528.995 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 8/2016.

Ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q đối với ông Nguyễn Bình T tính từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2016 là 108.566.267 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 85.922.265 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp là 22.644.003 đồng.

Đối với bị đơn là Công ty Q: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Q vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Q thanh toán các khoản tiền lương còn nợ cho ông T và phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn nợ đối với ông T.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Bính T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội”. Công ty cổ phần thép Q có trụ sở chính tại Khu công nghiệp X B1 - Conac, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn - Công ty Q không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa ông Nguyễn Bính T và Công ty cổ phần thép Q thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Ông T giao kết hợp đồng lao động với Công ty Q thông qua người đại diện là ông K – Chức vụ Giám đốc nhân sự, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Công ty Q là người có nghĩa vụ chứng minh việc ông K – Chức vụ Giám đốc nhân sự có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty Q không cung cấp chứng cứ phản bác đến Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định ông K – Chức vụ giám đốc nhân sự là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động của Công ty Q theo quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 157 Luật doanh nghiệp.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật Lao động, Điều 1 của các Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông T và Công ty Q, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Theo hợp đồng lao động số Q01415-1-2015 ngày 16/8/2015 ký kết giữa Công ty Q và ông Nguyễn Bính T, xác định là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 15/8/2016, thỏa thuận cụ thể thời gian làm việc

được tính từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, việc trả lương theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân thông qua hệ thống ngân hàng và lương được trả vào ngày 05 mỗi tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo ngày công thực tế và tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết. Trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Q đến khoảng giữa năm 2016 Công ty lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên chậm trả lương cho người lao động.

Đến ngày 15/8/2016 Công ty Q ban hành quyết định số Q01415-2016 với nội dung không ký tiếp hợp đồng lao động với ông Nguyễn Bính T, ông T đã nhận được Quyết định nghỉ việc và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trước khi nghỉ việc nhưng Công ty chưa thanh toán đầy đủ tiền lương cho ông.

Khi nghỉ việc ông T xác định Công ty Q còn nợ lương các tháng 6, 7, 8/2016 cụ thể: Nợ 50% lương tháng 6/2016 là 15.864.395 đồng, 100% lương tháng 7/2016 là 30.236.200 đồng; 100% lương tháng 8/2016 là 40.428.400 đồng. Tổng cộng 86.528.995 đồng.

Tại bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của nguyên đơn cung cấp và đối chiếu với các chứng từ kế toán mà Tòa án thu thập tại phòng kế toán của Công ty cũng như phiếu lương người lao động cung cấp xác định Công ty vẫn còn nợ lương của ông T.

Như vậy phía Công ty thép Q đã vi phạm nghĩa vụ “bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng”, được quy định tại Điều 3, Điều 4 các hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật lao động, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015.

[2.2]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương của nguyên đơn thì thấy:

Do Công ty Q không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đối chiếu với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xác định thời gian Công ty Q nợ lương và số tiền nợ cụ thể đối với nguyên đơn.

Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của ông T cung cấp xác định Công ty Q đã thanh toán cho ông T 50% lương tháng 6/2016 vào ngày 29/6/2016 là 15.864.395 đồng, chưa thanh toán tiền lương tháng 7 và tháng 8/2016. Như vậy có căn cứ xác định Công ty Q còn nợ ông T 50% lương tháng 6/2016 là 15.864.395 đồng.

Đối với lương tháng 7/2016 và tháng 8/2016, đối chiếu với 02 phiếu lương tháng 7 và tháng 8/2016 do ông T cung cấp với bảng chuyển lương cho nhân viên của Công ty Q thời điểm tháng 7, tháng 8/2016, Hội đồng xét xử có

căn cứ xác định mức tiền lương Công ty Q phải thanh toán cho ông T tháng 7/2016 là: 30.236.200 đồng; tháng 8/2016 là 40.428.400 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở pháp lý để buộc Công ty Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T 50% lương tháng 6/2016 là 15.864.395 đồng, lương tháng 7/2016 là 30.236.200 đồng và lương tháng 8 là 40.428.400 đồng, tổng cộng là 86.528.995 đồng.

[2.3]. Xét yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn thì thấy:

Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp và xác nhận của nguyên đơn thì hiện nay Công ty Q còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động từ tháng 01/2014 đến ngày 31/10/2016. Tuy nhiên ngày 29/5/2015 Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân thị xã M) đã ban hành quyết định số 18/2015/QĐST – LĐ với nội dung Công ty cổ phần thép Q có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 8.150.610.189 đồng, được chốt đến ngày 30/4/2015 trong đó có ông Nguyễn Bình T.

Đến tháng 8/2016 giữa ông T và Công ty Q chấm dứt hợp đồng lao động nên số tiền đóng bảo hiểm xã hội của ông T được tiếp tục tính từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2016.

Như vậy Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với ông T tính từ ngày 01/5/2015 đến tháng 7/2016 với tổng số tiền là 108.566.267 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 85.922.265 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp tính đến ngày 31/7/2016 là 22.644.003 đồng.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết giữa nguyên đơn và người sử dụng lao động thì hàng tháng Công ty thép Q đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của ông T nhưng không nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy Công ty thép Q đã vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của ông T cũng như quyền lợi của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T đối với Công ty cổ phần thép Q về việc buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T từ ngày 01/5/2015 đến tháng 7/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

[3]. Về án phí: Công ty thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm về tranh chấp tiền lương với số tiền là 2.595.869 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng) và án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36, Điều 37, Điều 90 Bộ luật lao động; Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bính T đối với Công ty cổ phần thép Q về “Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội”.

- Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Bính T 50% lương tháng 6/2016, 100% lương tháng 7/2016, 100% lương tháng 8/2016 tổng cộng là 86.528.995 đồng (Tám mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội gồm (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Nguyễn Bính T từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/7/2016;

3. Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất mà Công ty cổ phần thép Q phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp 2.895.869 đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thu Hiền

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền

